

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020-2021**

TT	HỌ	TÊN	MÃ SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN HỌC PHÍ	TỈ LỆ HƯỞNG	SỐ TIỀN THỰC NHẬN	KÝ NHẬN
1	Hồ Văn Trường	Giang	1751200056	17ĐHKT01	Con thương binh	6.225.000	100%	6.225.000	
2	Trần Thảo Hà	My	1751010058	17ĐHQT09	Con thương binh	7.440.000	100%	7.440.000	
3	Lê Thị Phương	Thùy	1851010025	18ĐHQT01	Con thương binh	5.890.000	100%	5.890.000	
4	Hoàng Diễm	Quỳnh	1951010011	19ĐHQT01	Con bệnh binh	6.200.000	100%	6.200.000	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1756060008	QLB-K11	Con thương binh	7.000.000	100%	7.000.000	
6	Mai Thị	Hương	1813120006	18CĐĐV01	Con thương binh	3.975.000	100%	3.975.000	
7	Phạm Thị Kim	Oanh	1951010229	19ĐHQT05	Dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	5.270.000	100%	5.270.000	
8	Hà Thị Thuý	Linh	2011150098	20CĐTM02	Dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	3.375.000	100%	3.375.000	
9	Điền Thị	Lý	1951010261	19ĐHQT06	Dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	6.200.000	100%	6.200.000	
10	Ngân Thị	Lệ	1951010120	19ĐHQT03	Dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	5.270.000	100%	5.270.000	
11	Đoàn Văn	Chường	1751200062	17ĐHKT01	Xã ĐBK	6.225.000	70%	4.357.500	
12	Lý Minh	Chiến	1751010204	17ĐHQT04	Xã ĐBK	7.440.000	70%	5.208.000	
13	Dương Từ	Thành	1851010284	18ĐHQT06	Xã khó khăn	5.580.000	70%	3.906.000	



Handwritten signature in blue ink.

TT	HỌ	TÊN	MÃ SV	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN HỌC PHÍ	TỈ LỆ HƯỞNG	SỐ TIỀN THỰC NHẬN	KÝ NHẬN
14	Lục Trí	Minh	1951200026	19ĐHKQT01	Xã khó khăn	4.455.000	70%	3.118.500	
15	Phùng Thị	Ngân	1951010320	19ĐHQTT07	Xã ĐBKK	6.200.000	70%	4.340.000	
16	Ngô	Thom	2051010391	20ĐHQTT07	Xã khó khăn	5.580.000	70%	3.906.000	
17	Trần Thị Thuý	Vy	2051010296	20ĐHQTT05	Xã ĐBKK	5.580.000	70%	3.906.000	
18	Nông Thị Vân	Thi	2011150162	20CĐTM03	Xã ĐBKK	3.375.000	70%	2.362.500	
19	Nguyễn Xuân	Lộc	2011210048	20CĐKL01	Con người tai nạn lao động	3.880.000	50%	1.940.000	
20	Đinh Thanh	Lâm	1751010444	17ĐHQTT08	Con người tai nạn lao động	7.130.000	50%	3.565.000	
21	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1851010055	18ĐHQTT02	Con người tai nạn lao động	6.820.000	50%	3.410.000	
22	Phạm Phương	Anh	1951010046	19ĐHQTT01	Con người tai nạn lao động	6.200.000	50%	3.100.000	
23	ĐỒNG THUY LONG	THUY	1851010107	18ĐHQTTVT3	SV đặc biệt khó khăn	5.890.000	100%	5.890.000	
TỔNG SỐ TIỀN								105.854.500	

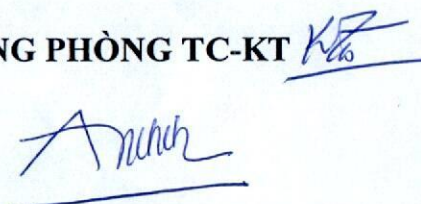
Viết bằng chữ: một trăm lẻ năm triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm đồng.

TTHN&TVVL



Nguyễn Thị Hà

TRƯỞNG PHÒNG TC-KT



Nguyễn Thị Anh Thy



Nguyễn Thị Hải Hằng